

Bản án số: 05/2019/KDTM-ST
Ngày: 17-01-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230.1/2018/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Điện lực H TNHH có địa chỉ trụ sở chính tại 35 đường Đ, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 4741/UQ-PCHM ngày 01/8/2018) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH S có địa chỉ trụ sở chính tại 65/22 đường V, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Long A là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2017 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Tổng Công ty Điện lực H TNHH do ông Nguyễn Văn D là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày

03/7/2015, Tổng Công ty Điện lực H TNHH có ký Hợp đồng mua bán điện cho mục đích sản xuất số 15/001606 với Công ty TNHH S (Mã khách hàng: PE08000286980), địa chỉ sử dụng điện tại số 94/1 ấp 1, xã X, huyện H. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH S đã nợ số tiền điện cụ thể như sau: Hóa đơn số 4953881, kỳ hóa đơn tháng 8/2016 số tiền điện còn nợ 3.668.551 đồng; Hóa đơn số 7497154, kỳ hóa đơn tháng 9/2016 số tiền điện còn nợ 980.173 đồng; Hóa đơn số 7641123, kỳ hóa đơn tháng 10/2016 số tiền điện còn nợ 1.670 đồng. Tổng cộng số tiền điện còn thiếu là 4.650.394 đồng, nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán một lần số tiền điện còn thiếu 4.650.394 đồng ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Theo Bản tự khai và Biên bản hòa giải cùng ngày 24/10/2018, bị đơn - Công ty TNHH S do ông Nguyễn Long A là đại diện theo pháp luật trình bày: Công ty TNHH S thừa nhận có ký hợp đồng sử dụng điện như phía nguyên đơn trình bày, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền điện 4.650.394 đồng. Tuy nhiên, do bị đơn đã ngừng hoạt động từ năm 2016, hai thành viên góp vốn không còn liên hệ được nên bị đơn không có khả năng thanh toán số tiền điện còn thiếu cho nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét miễn giảm cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền điện 4.650.394 đồng còn thiếu theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS) thì Tổng Công ty Điện lực H TNHH khởi kiện Công ty TNHH S về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản tại Tòa án nhân dân quận T là phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết.

[1.2] *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T:* Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 BLTTDS.

[1.3] *Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:*

Ngày 01/8/2018, nguyên đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D đại diện tham gia phiên tòa. Xét việc ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Long A là đại diện theo pháp luật của bị đơn có mặt. Tại phiên tòa hôm nay, ông A vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về áp dụng pháp luật nội dung:*

[2.1] *Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền điện 4.650.394 đồng còn thiếu phát sinh từ giao dịch mua bán tài sản của nguyên đơn thấy:* Tại các buổi làm việc tại tòa, bị đơn không phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 4.650.394 đồng phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện cho mục đích sản xuất số 15/001606 ngày 03/7/2015 với số tiền cụ thể như sau: Hóa đơn số 4953881, kỳ hóa đơn tháng 8/2016 số tiền điện còn nợ: 3.668.551 đồng; Hóa đơn số 7497154, kỳ hóa đơn tháng 9/2016 số tiền điện còn nợ: 980.173 đồng; Hóa đơn số 7641123, kỳ hóa đơn tháng 10/2016 số tiền điện còn nợ 1.670 đồng. Tổng cộng số tiền điện là 4.650.394 đồng đã được bị đơn thừa nhận toàn bộ, tuy nhiên bị đơn cho rằng Công ty đã ngừng hoạt động từ năm 2016, hai thành viên góp vốn không còn liên hệ được nên không có khả năng thanh toán số tiền điện còn thiếu, đề nghị Tòa án xem xét miễn giảm số tiền nêu trên. Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn. Giữa hai bên không có sự thỏa thuận nào khác về số tiền điện bị đơn còn thiếu. Tại điểm b khoản 4 Điều 1 Phụ lục 1 đính kèm Hợp đồng có quy định thời hạn thanh toán: 07 ngày kể từ ngày nguyên đơn (Bên A) thông báo thanh toán lần đầu. Theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 thì bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng cho nguyên đơn, phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự thủ tục đã thỏa thuận nhưng bị đơn không thực hiện làm ảnh hưởng quyền lợi chính đáng của nguyên đơn. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về thời hạn thanh toán:* Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực.

[2.3] *Xét ý kiến bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận còn thiếu nguyên đơn số tiền điện tổng cộng là 4.650.394 đồng. nhưng nại lý do Công ty hiện ngừng hoạt động nên không đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số

tiền còn thiếu. Như đã phân tích trên, do ý kiến của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý, giữa hai bên không có sự thỏa thuận nào khác về số tiền 4.650.394 đồng bị đơn còn nợ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét lời trình bày của bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh:* Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2.5] *Từ phân tích nêu trên,* Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 4.650.394 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 4.650.394 đồng, theo quy định tại điểm a mục 1.4 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí là 3.000.000 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 430, Điều 434, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm a mục 1.4 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty Điện lực H TNHH tổng số tiền 4.650.394 (Bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn ba trăm chín mươi bốn) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH S phải chịu là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

- Hoàn lại cho Tổng Công ty Điện lực H TNHH số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032870 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hoàng Mai